

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2019/DS-PT

Ngày: 26/9/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng

Đặt cọc và chuyển nhượng

Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**;

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 9 và ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLPT-DS ngày 28/02/2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 383/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh **Võ Hoàng T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1976. Địa chỉ: số B, Nguyễn Ngọc B, Phường A, thành phố M, tỉnh T. Theo văn bản ủy quyền số 342, quyền số 01-SCT/CK,CD ngày 11/9/2018 lập tại văn phòng công chứng huyện C, tỉnh T (có mặt).

***Bị đơn:** - Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

- Chị **Trần Thị Kim X**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

2. Ông **Huỳnh Phong V**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

3. Chị **Đỗ Thị Cẩm T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của C, V, T có chị Trần Thị Kim P sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

4. Anh **Trần Hoàng L**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

5. Anh **Huỳnh Quốc V**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

6. Ông **Huỳnh Văn M (vắng mặt)**.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Võ Hoàng T.

Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Hoàng T trình bày:

Anh Võ Hoàng T yêu cầu buộc bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Võ Hoàng T các thửa đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T cấp cho bà Trần Thị A cụ thể như sau:

+ Thửa 175, tờ bản đồ 13, diện tích 3.523,8 m² loại đất trồng lúa theo giấy số H00054 cấp ngày 30/9/2008.

+ Thửa 293, tờ bản đồ 12, diện tích 2.268,7 m² loại đất ở và trồng cây lâu năm theo giấy số H00053 cấp ngày 30/9/2008.

+ Thửa 630, tờ bản đồ 12, diện tích 919,3 m² loại đất trồng cây lâu năm theo giấy số CS07339 cấp ngày 12/12/2017.

Nếu bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X không làm thủ tục chuyển nhượng thì phải trả ngay khi án có hiệu lực số tiền đã nhận cọc cho ông Võ Hoàng T là 1.600.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc là 1.600.000.000 đồng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất. Cụ thể:

+ Bà Trần Thị A phải trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng và bồi thường 1.000.000.000 đồng.

+ Chị Trần Thị Kim Xuyên phải trả cho ông T số tiền 600.000.000 đồng và bồi thường 600.000.000 đồng.

****Bị đơn bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X trình bày:***

Bà A và chị X hoàn toàn không có thỏa thuận nhận đặt cọc với ông T để chuyển nhượng các thửa đất 175, 293, 603 mà chỉ là giao dịch tiền vay nên

không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị X chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng. Bà A đồng ý yêu cầu độc lập của ông V, bà C, chị T.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phong V, bà Nguyễn Thị C, chị Đỗ Thị Cẩm T có yêu cầu độc lập trình bày:***

Yêu cầu tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T giữa bên chuyển nhượng là bà Trần Thị A với bên nhận chuyển nhượng là các ông, bà cụ thể:

Bên nhận chuyển nhượng là ông Huỳnh Phong V: Đối với các thửa đất 293 tờ bản đồ 12, diện tích 2.268,7 m², loại đất ở và cây lâu năm (trong đó 300 m² đất ở) theo giấy chứng nhận H00053 do UBND huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho bà Trần Thị A. Đồng thời, ông V yêu cầu công nhận quyền sở hữu của ông đối với căn nhà và các tài sản tọa lạc trên đất. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 07/9/2018 tại văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K, số công chứng 0035066, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD.

Bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C: Đối với thửa đất 175, tờ bản đồ 13, diện tích 3.523,8 m² loại đất trồng lúa theo giấy chứng nhận số H00054 do UBND huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho bà Trần Thị A. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 06/9/2018 tại văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K, số công chứng 003465, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD.

Bên nhận chuyển nhượng là chị Đỗ Thị Cẩm T: Đối với thửa số 630, tờ bản đồ 12, diện tích 919,3 m² loại đất trồng cây lâu năm theo giấy số CS07339 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/12/2017 cho bà Trần Thị A. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 07/9/2018 tại văn phòng công chứng C, số công chứng 3331, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Khiếu nại tòa án hủy bỏ ngay Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Quốc V có ý kiến:*** anh đang thuê thửa 175 của bà Châm để trồng dưa, giá thuê 11.000.000 đồng/năm Anh không tranh chấp và sẽ thực hiện theo bản án của tòa án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Mười cùng bà A, ông V, người đại diện theo ủy quyền của ông T:***

Đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa 293 theo hiện trạng tứ cận của giấy chứng nhận số H00053, riêng việc đổi đất 01m ngang dài hết ranh đất ở hướng Đông, Bắc thửa đất để tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Bản án sơ thẩm số: 383/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T: căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 34 điểm a khoản 1 Điều***

35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 129, 328, 401 Bộ luật dân sự; Điều 12 Luật Nhà ở; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng T.

- Buộc bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Hoàng T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Buộc chị Trần Thị Kim X có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Phong V, bà Nguyễn Thị C, chị Đỗ Thị Cẩm T: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T giữa bên chuyển nhượng là bà Trần Thị A với bên nhận chuyển nhượng là các ông, bà cụ thể:

- Bên nhận chuyển nhượng là ông Huỳnh Phong V: Đối với thửa đất 293, tờ bản đồ 12, diện tích 2.268,7 m², loại đất ở và cây lâu năm (trong đó 300 m² đất ở) theo giấy chứng nhận H00053 do UBND huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho bà Trần Thị A theo hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 07/9/2018 tại văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K, số công chứng 0035066, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD. Công nhận quyền sở hữu của ông Huỳnh Phong V đối với căn nhà kiên cố, dãy chuồng trại chăn nuôi heo cùng các tài sản khác tọa lạc trên thửa đất 293.

- Bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C: Đối với thửa đất 175, tờ bản đồ 13, diện tích 3.523,8 m² loại đất trồng lúa theo giấy chứng nhận số H00054 do UBND huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho bà Trần Thị A theo hợp đồng công chứng ngày 06/9/2018 tại văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K, số công chứng 003465, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD.

- Bên nhận chuyển nhượng là chị Đỗ Thị Cẩm T: Đối với thửa đất 630, tờ bản đồ 12, diện tích 919,3 m², loại đất trồng cây lâu năm theo giấy số CS07339 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/12/2017 cho bà Trần Thị A theo hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 07/9/2018 tại văn phòng công chứng C, số công chứng 3331, quyền số 01TP/CC –SCC/HĐGD.

Đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục làm thủ tục đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên theo quy định.

*Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 17/12/2018, nguyên đơn ông Võ Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 383/2018/DSST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang yêu cầu:

+ Buộc bà Trần Thị A và Trần Thị Kim X phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông đối với các thửa đất số 175, tờ bản đồ số 13, có diện tích 3.523,8 m², thửa đất số 293, tờ bản đồ số 12 có diện tích 2.268,7 m² và thửa đất số 630, tờ bản đồ số 12 có diện tích 919,3 m² cùng tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T. Trường hợp bà Trần Thị A và bà Trần Thị Kim X không làm thủ tục chuyển nhượng thì phải trả lại số tiền đã nhận cọc của ông là 1.600.000.000 đồng và bồi thường cho ông là chủ doanh nghiệp tư nhân H số tiền là 1.600.000.000 đồng theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất. Cụ thể bà Trần Thị A phải trả cho ông 1.000.000.000 đồng và bồi thường 1.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Chị Trần Thị Kim X phải trả cho ông 600.000.000 đồng và bồi thường 600.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Hủy quyết định hủy bỏ quyết định số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 của tòa án nhân dân huyện G.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị A với bà Nguyễn Thị C, ông Huỳnh Phong V và chị Đỗ Thị Cẩm T đối với các thửa đất số 175, tờ bản đồ số 13 có diện tích 3.523,8 m², thửa số 293, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2.268,7 m² và thửa số 630, tờ bản đồ số 12, có diện tích 919,3 m² cùng tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Ngày 11/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T có quyết định số 72/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần đối với bản án dân sự sơ thẩm số 383/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T. Đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và nếu như Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông V vào tham gia tố tụng thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Đại diện ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, ông Huỳnh Phong V và chị Đỗ Thị Cẩm T yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G và yêu cầu hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo ông T có yêu cầu bà A và chị X chuyển nhượng cho ông 03 thửa đất trên theo hợp đồng đặt cọc giữa bà A, chị X, ông T. Tuy nhiên 03 thửa đất này hiện nay bà A đã chuyển nhượng cho bà C, ông V và chị T và 03 người này đang quản lý trong đó có 01 thửa 293 diện tích $2.268,7m^2$ có nhà ở và chuồng trại chăn nuôi. Mặc dù ông V ủy quyền cho chị P nhưng tại phiên tòa vợ ông V là bà Lê Thị Kim N có ý kiến cho rằng việc chuyển nhượng là do ông V đứng tên nhưng đã thế chấp tài sản chung của vợ chồng vay tiền để chuyển nhượng diện tích đất này do đó đây cũng là tài sản chung của vợ chồng và đang chăn nuôi trên đất này khoảng 80 con heo. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Võ Hoàng T là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện G xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ngày 08/12/2017 bà A có làm hợp đồng đặt cọc cho ông T chuyển nhượng 02 thửa đất 293 diện tích $2.268,7m^2$ và 175 diện tích $3.523,8m^2$ giá chuyển nhượng 02 thửa đất này là 1.200.000.000 đồng, bà A, chị X nhận cọc 1.000.000.000 đồng. Ngày 18/01/2018, ngày 25/02/2018 và ngày 31/3/2018 chị X con bà A làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thửa đất 630, diện tích $916m^2$ giá chuyển nhượng 750.000.000 đồng, chị X nhận cọc 600.000.000 đồng, 03 thửa đất do bà A đứng

tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T. Bà A có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photo cho ông T, bà A, chị X chỉ ký tên nhận cọc. Tuy nhiên tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của ông T khi ký hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng thì không đề ngày tháng năm còn hợp đồng đặt cọc để trống không xác định người nhận cọc là ai, chuyển nhượng thửa đất nào ở đâu, giá chuyển nhượng bao nhiêu, thời gian thực hiện hợp đồng. Khi tranh chấp lần đầu tại Tòa án huyện G thụ lý ông T photo 04 bản hợp đồng hoàn toàn để trống nộp cho Tòa (bị đơn có sao chụp) sau đó ông T rút đơn tòa án huyện G đình chỉ giải quyết vụ án. Đến khi tranh chấp lần này ông T tự ghi vào trang 01 của hợp đồng đặt cọc để nộp khi khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông T điền đầy đủ vào trang 01 và trang 02 của hợp đồng đặt cọc sau đó nộp bản chính cho Tòa án, khi ông T tự ghi vào hợp đồng đặt cọc không có sự đồng ý của bà A và chị X. Bà A và chị X cho đây là tiền vay mà khi nhận tiền ghi giả cách là nhận cọc.

Xét thấy theo yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông T, ông T có yêu cầu bà A, chị X thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 03 thửa đất trên. Tuy nhiên 03 thửa đất này bà A đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C, chị Đỗ Thị Cẩm T, ông Huỳnh Phong V và đã giao đất cho 03 người này đang quản lý. Trong đó có thửa đất 293 diện tích 2.269,7m² có 01 ngôi nhà và chuồng trại chăn nuôi. Mặc dù ông V ủy quyền cho chị P nhưng tại phiên tòa vợ ông V là bà Lê Thị Kim N có ý kiến cho rằng việc chuyển nhượng là do ông V đứng tên nhưng đã thế chấp tài sản chung của vợ chồng vay tiền để chuyển nhượng diện tích đất này do đó đây cũng là tài sản chung của vợ chồng và đang chăn nuôi trên đất này khoảng 80 con heo. Tuy sau khi Hội đồng xét xử nghị án bà Lê Thị Kim N và ông Huỳnh Phong V có ý kiến trình bày khẳng định diện tích đất này là của riêng ông V lời trình bày này lại mâu thuẫn với lời khai của bà N tại phiên tòa phúc thẩm. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho bà N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Để đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Do bản án bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hoàng T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết tại tòa án cấp phúc thẩm ông T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo qui định tại Điều 121 Bộ Luật tố tụng dân sự là “Cấm chuyển dịch về quyền tài sản đối với tài sản đang tranh chấp” Tòa án nhân dân tỉnh T có ra quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-ADKCTT ngày 25/4/2019 cấm chuyển dịch hết 03 thửa đất nêu trên.

Do bản án bị hủy nên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bị hủy theo qui định tại khoản 2 Điều 112 và Điều 138 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: do bản án bị hủy nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 383/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Võ Hoàng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 39960 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện G, tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 8 giờ 00 phút ngày 26 tháng 9 năm 2019, có mặt đại diện ủy quyền bà C, ông V, chị T vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em

